TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2017
V/v Ly hôn giữa chị A
và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Mai Thị Bỉ**;

2. **Ông Trần Văn Lô**.

- ***Thư ký phiên tòa***: **Ông Trần Phước Mãi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn A**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 430, ấp x, xã Q, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Anh Bùi B**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 430, ấp x, xã Q, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

(Chị A có mặt, anh B vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, chị Nguyễn A trình bày như sau:

Sau khi tìm hiểu, quen biết nhau được 02 năm chị và anh B tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/3/2008.

Sau khi cưới, vợ chồng sống ở nhà trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh được 07 năm thì về nhà cha mẹ chồng ở xã Q sinh sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó hai vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho vợ, con và bắt chị quan hệ vợ chồng trái với ý muốn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Tuy vợ chồng còn ở chung nhà nhưng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên C, sinh ngày 11/11/2008 và D, sinh ngày 25/12/2012 hiện hai cháu vẫn đang sống chung với chị và anh B. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn, anh Bùi B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại phiên hòa giải ngày 25 tháng 5 năm 2017, trình bày: Anh thống nhất với chị A về điều kiện, thời gian cưới, đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Nay chị A yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên C, sinh ngày 11/11/2008 và D, sinh ngày 25/12/2012 hiện hai cháu vẫn đang sống chung với anh và chị A. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý để chị A được trực tiếp nuôi 02 con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh thống nhất với chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh thống nhất với chị Loan xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn A yêu cầu ly hôn với anh Bùi B là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Bùi B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nhường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp:

- Về hôn nhân:

Chị A và anh B xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị A yêu cầu được ly hôn với anh B vì cho rằng anh B và chị không hợp tính tình thường xuyên cãi vả, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, anh B không lo làm ăn nên chị và anh B đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Ngược lại, anh B tại phiên hòa giải cũng thừa nhận về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đúng như lời trình bày của chị A, chị A yêu cầu ly hôn anh B không đồng ý, vì còn thương vợ con. Tuy nhiên, anh B không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa anh B cũng vắng mặt, điều này chứng tỏ anh B không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, chị A vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh B. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên C, sinh ngày 11/11/2008 và D, sinh ngày 25/12/2012 hiện hai cháu vẫn đang sống chung với chị và anh B. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và anh B nếu phải ly hôn cũng đồng ý để chị A được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Cháu D còn nhỏ, cháu C thì có nguyện vọng được sống với mẹ. Để ổn định tình cảm và sinh hoạt cho hai cháu, cần xem xét yêu cầu của chị A và nguyện vọng của cháu C. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu C và D cho chị A nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chia tài sản và về nghĩa vụ trả nợ: Chị A và anh B xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn A về việc yêu cầu ly hôn với anh Bùi B. Chị A được ly hôn với anh B.

2/ Về nuôi con chung:

Chị A được tiếp tục nuôi hai con chung tên C, sinh ngày 11/11/2008 và D, sinh ngày 25/12/2012. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04721, ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Chị A đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2017). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Tân Trụ;*
- *Chi cục THA DS huyện Tân Trụ;*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Hồng